

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/DS-ST
Ngày: 15/9/2025.
V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Trung Nghĩa.

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: số 25/2025/TLST – DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2025/QĐXXST-DS ngày 12/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Quách Ngọc K, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã H, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Ấp D, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã H, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Ấp D, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã H, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Ấp D, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Quách Ngọc K trình bày: Ông Nguyễn Văn T2 là chủ hội, có mở dây hội tháng 2.000.000 đồng, gồm 33 hội viên trong đó có bà Huỳnh Thị T, khai hội mỗi tháng 01 lần. Khu hội lần là ngày 10/11/2021 al. Dây hội này ông K không có tham gia. Sau khi dây hội đã khai hội được 05 lần, đến tháng 5/2022 khai hội lần thứ 6 thì bà T hốt hội, ông Nguyễn Văn

T2 nói với ông K có hội viên là bà Huỳnh Thị T đã hốt một chân hội và bà T cần bán hội nên ông K đồng ý mua lại chân hội này của bà T (coi như bà T hốt hội xong), ông K mua lại chân hội này đồng ý đưa tiền cho ông T2 để ông T2 giao tiền hội cho bà T, còn ông K tiếp tục đóng hội sống chân hội này cho ông T2. Cũng trong tháng 5/2022 khai hội lần thứ 6 tại nhà của ông Nguyễn Văn T2, có mặt của ông Quách Ngọc K, không có mặt bà T, chủ hội ông Nguyễn Văn T2 điện thoại cho bà T hỏi ý kiến bà T và bà T đồng ý bán 01 chân hội tháng 2.000.000 đồng nêu trên. Việc bà T đồng ý bán hội thì ông T2 thỏa thuận trực tiếp với bà T, còn việc mua hội thì do ông K thỏa thuận trực tiếp với ông T2. Ông K đã đưa tiền cho ông T2 30.900.000 đồng để ông T2 giao tiền hội cho bà T (bà T đã hốt hội ở lần khai hội tháng thứ 6). Còn việc ông T2 đã giao tiền hội cho bà T hốt bao nhiêu thì ông K không biết.

Kể từ tháng thứ 7 trở đi thì ông K tiếp tục đóng hội sống cho ông T2. Còn bà T đóng hội chết cho ông T2. Đến kỳ thứ 12 thì ông Nguyễn Văn T2 tuyên bố bế hội. Ông K với ông T2 trực tiếp gặp bà T và các bên đồng ý thỏa thuận là bà T sẽ trực tiếp đóng tiền hội chết còn lại cho ông K nhận đến mãn hội là 21 kỳ, mỗi kỳ là 2.000.000 đồng/tháng, bà T đồng ý. Bà T đã trực tiếp đóng tiền hội chết cho ông K từ ngày 10/10/2023 đến mỗi tháng 2.000.000 đồng đến tháng 7/2024 được 09 kỳ tổng cộng là 18.000.000 đồng. Kể từ tháng 7/2024 đến nay thì bà T không có trả tiền hội cho ông K nữa. Đến nay bà T còn nợ của của ông K 12 kỳ là 24.000.000 đồng.

Nay ông K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị T trả cho ông K 24.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 14/5/2025, bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:* Bà T có tham gia dây hội 2.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn T2 làm chủ hội, mỗi tháng khai một lần, gồm 33 hội viên, bà T chơi 03 chân. Trong đó có 01 chân hội đến kỳ khai hội lần thứ 6 thì bà T hốt hội. Sau khi đã trừ xong tiền lời với tiền hoa hồng cho chủ hội 1.000.000 đồng thì số tiền thực tế bà T được hốt hội là 27.900.000 đồng. Chủ hội là ông T2 nói với bà T có người muốn mua lại chân hội này (gọi là châu hội) để người đó tiếp tục đóng hội sống chân hội này (gọi là nuôi hội) ông T2 nói người này giấu tên và đồng ý đưa tiền cho ông T2 để giao tiền hội cho bà T hốt là 27.900.000 đồng. Sau đó thì bà T sẽ tiếp tục đóng hội chết cho ông T2 27 kỳ (nếu cộng với kỳ hội chết tháng thứ 6 thì bà T phải đóng hội chết cho ông T2 là 28 kỳ), mỗi kỳ hội chết là 2.000.000 đồng, đóng đủ 28 kỳ sẽ mãn chân hội.

Sau đó, bà T đóng hội chết cho ông Nguyễn Văn T2 trực tiếp nhận 07 kỳ là 14.000.000 đồng thì ông T2 tuyên bố bế hội. Lúc này vào khoảng tháng 9/2023 thì ông T2 mới dẫn ông Quách Ngọc K đến gặp trực tiếp với bà T và giữa bà T, ông T2 và ông K các bên thỏa thuận bà T sẽ trực tiếp trả cho ông K tiền hội chết còn lại 21 kỳ, mỗi kỳ trả là 2.000.000 đồng/tháng. Ông T2 cùng với bà T và ông K thống nhất bà T không còn nợ hội chết của ông T2 nữa. Sau khi thỏa thuận, đến tháng 10/2023, bà T bắt đầu trả tiền hội chết cho ông K mỗi kỳ là 2.000.000 đồng/tháng. Bà T đã trả tiền hội chết cho ông K tổng cộng 09 kỳ được 18.000.000 đồng, còn 12 kỳ thì bà T không còn khả năng đóng tiền hội cho ông K nữa. Ông K đồng ý nếu bà T đóng thêm cho ông K 2.000.000 đồng thì ông K bỏ tiền nợ còn lại không đòi bà T nữa, nhưng do bà T không có khả năng chỉ trả thêm cho ông K 700.000 đồng nên

ông K không chịu nhận và không bỏ nợ mà kiện đòi bà T đủ 12 kỳ tiền hối chết là 24.000.000 đồng.

Nay bà T đồng ý trả thêm cho ông K 2.000.000 đồng, số tiền hối chết lại 22.000.000 đồng thì bà T yêu cầu ông K bỏ nợ cho bà T.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T1:* Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tấn T1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông T1 không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Huỳnh Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T1 đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 3 Điều 26; khoản 2 Điều 92, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 166; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Ngọc K về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Thanh thanh T3 tổng số tiền 24.000.000 đồng.

2. Buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Quách Ngọc K tổng số tiền 24.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện Tòa án xác định “Tranh chấp hối”. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của các bên đương sự thể hiện hợp đồng hối đã chấm dứt, các bên đã thống nhất số tiền còn nợ 24.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Quách Ngọc K, bị đơn bà Huỳnh Thị T thống nhất thừa nhận: Vào khoảng tháng 9/2023a1, ông Nguyễn Tấn T1 cùng nguyên đơn ông Quách Ngọc K và bị đơn bà Huỳnh Thị T đã thống nhất thỏa thuận bà T sẽ trực tiếp trả cho ông K tiền nợ hui còn lại 21 kỳ, mỗi kỳ là 2.000.000 đồng/tháng với tổng số tiền là 42.000.000 đồng. Ông T1 cùng với bà T và ông K thống nhất bà T không còn nợ hui của ông T1 nữa. Sau khi thỏa thuận thì đến tháng 10/2023a1 thì bà T bắt đầu trả tiền nợ hui cho ông K, mỗi kỳ là 2.000.000 đồng/tháng. Bà T đã trả tiền nợ cho ông K tổng cộng 09 kỳ được 18.000.000 đồng. Còn nợ 12 kỳ là 24.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại biên bản hòa giải ngày 14/5/2025, bà T yêu cầu trên tổng số tiền 24.000.000 đồng thì bà T sẽ trả cho ông K 2.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại 22.000.000 đồng thì yêu cầu ông K bỏ nợ vì bà T không có khả năng thanh toán. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý giảm bớt tiền nợ theo yêu cầu trên của bà T. Do đó, yêu cầu của bà T không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Xét thấy, bà Huỳnh Thị T thừa nhận có thỏa thuận thanh toán cho ông Quách Ngọc K với tổng số tiền nợ còn lại 24.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng trong 12 kỳ, nhưng bà T không thực hiện nên ông K khởi kiện yêu cầu bà T trả cho ông K số tiền còn nợ là 24.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn ông Quách Ngọc K được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Huỳnh Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 166; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Ngọc K về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Thanh T4 số tiền 24.000.000 đồng.

[2] Buộc bà Huỳnh Thị T trả cho ông Quách Ngọc K số tiền 24.000.000 đồng.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc ông Quách Ngọc K có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Huỳnh Thị Thanh C trả số tiền nêu trên cho ông K, thì bà T phải trả lãi đối với số tiền trả chậm theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị T phải chịu 1.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

- Ông Quách Ngọc K được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu số 0008420 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV8- Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND. TP Cần Thơ;
- Phòng T.H.A dân sự KV8-Cần Thơ,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ